

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 31-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngư.
2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thạch C, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị Kim Thị Hồng T, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Thạch C trình bày:

Anh Thạch C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, anh C và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, không liên lạc, không quan tâm anh C, từ đó anh và chị T không còn chung sống cho đến nay. Anh C nhận thấy hôn nhân không còn hạnh

phúc, không thể hàn gắn được nữa và mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Thời gian chung sống thì anh C và chị T có con chung tên Thạch Thị Yến N, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2013 (giới tính: Nữ). Cháu N hiện do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn chị Kim Thị Hồng T:

Chị T đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các Giấy triệu tập nhưng chị T không có văn bản tường trình ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Tại Biên bản về việc ghi ý kiến con chưa thành niên đề ngày 10 tháng 7 năm 2020:

Cháu Thạch Thị Yến N hiện đang sống với anh Thạch C tại ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên vọng của cháu N là được sống cùng với anh Thạch C.

- Tại Biên bản xác minh mâu thuẫn gia đình trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 29 tháng 7 năm 2020:

Anh C và chị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2015 chị T về nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng sinh sống, từ đó anh C, chị T không còn chung sống với nhau cho đến nay.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật, còn bị đơn vắng mặt các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh C, cụ thể: Anh C được ly hôn với chị T; Giao con chung tên Thạch Thị Yến N, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2013 cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh C không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi; Về tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn anh Thạch C khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn chị Kim Thị Hồng T. Chị T đăng ký thường trú tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Thạch C có mặt; bị đơn chị Kim Thị Hồng T vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 67/2013 ngày 20 tháng 3 năm 2013. Tại thời điểm kết hôn thì anh C và chị T đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn thì anh C và chị T có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ đó anh C và chị T không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cũng không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Theo các quy định trên thì anh C, chị T phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thế nhưng khi phát sinh mâu thuẫn thì chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay. Quá trình thụ lý, giải

quyết vụ án thì Tòa án đã triệu tập chị T tham gia phiên hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt, cũng không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh C. Qua xác minh tại địa phương thì anh C, chị T không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay. Từ đó cho thấy anh C và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh C yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống thì anh C, chị T có con chung tên Thạch Thị Yến N, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2013 (giới tính: Nữ). Anh C yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu N đang sống với anh C, cuộc sống của cháu đang ổn định, anh C có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu này của anh C. Đồng thời cháu N cũng có nguyện vọng được sống với anh C, để đảm bảo cuộc sống của cháu N được ổn định thì giao cháu N cho anh C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp. Do đó, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh C là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi*” và Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Theo quy định này thì chị T phải tôn trọng quyền của cháu N được sống với anh C, đồng thời chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Theo quy định này thì chị T là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nhưng do anh C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Như vậy, ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch C được ly hôn với chị Kim Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thị Yến N, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2013 (giới tính: Nữ) cho anh Thạch C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị Kim Thị Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Kim Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thạch C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thạch C phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0001332, ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Anh Thạch C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề,, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt